

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
CƠ ĐIỆN - LUYỆN KIM THÁI NGUYÊN
TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ**

Thái Nguyên - 2012

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong thời kỳ hội nhập, Việt Nam được đánh giá là một nền kinh tế nhiều tiềm năng với dân số trẻ đang là điểm thu hút các nhà đầu tư từ nhiều nước trên thế giới. Có nhiều nhà đầu tư lớn vào các ngành công nghiệp như: khai thác, sản xuất, chế biến,... Số lượng các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tăng lên không ngừng trên khắp các tỉnh, yêu cầu thay đổi nhanh chóng về cơ cấu lao động trong xã hội: số việc làm cho lực lượng lao động giản đơn giảm, việc làm cho lao động kỹ thuật tăng nhanh. Hàng năm, các doanh nghiệp cần tuyển dụng trên 1 triệu lao động, trong khi hệ thống trường nghề nước ta mới chỉ đáp ứng trên 35% lao động được học nghề.

Sự phát triển của nền kinh tế - xã hội hiện đại đã có tác động rất lớn đến toàn bộ nền giáo dục, trong đó phát triển đào tạo nghề là vấn đề cấp thiết được sự quan tâm đặc biệt không chỉ của Chính phủ mà còn được các trường dạy nghề và các doanh nghiệp cũng như đông đảo người lao động hưởng ứng. Tuy nhiên đào tạo nghề hiện nay chưa bắt kịp sự phát triển của khoa học-công nghệ cả về số lượng và chất lượng, tay nghề của học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp tuyển dụng, hầu hết phải đào tạo bổ sung và nâng cao cho phù hợp với yêu cầu công nghệ của doanh nghiệp

Trường Cao đẳng nghề Cơ điện - Luyện kim Thái Nguyên là một trong số trường hàng đầu trong đào tạo nghề phục vụ ngành Thép Việt Nam, hàng năm được giao đào tạo nghề cho 2000 người. Việc nghiên cứu tìm nhiều hướng, nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp tuyển dụng là vấn đề hết sức cấp thiết đối với nhà trường. Do đó, tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu “Nâng cao chất lượng đào tạo của trường Cao đẳng nghề Cơ điện – Luyện kim Thái Nguyên trong thời kỳ hội nhập” nhằm góp

phần cải thiện chất lượng đào tạo của nhà trường từ đó giúp tăng thêm độ tin cậy của doanh nghiệp và người học nghề đối với nhà trường.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Đề tài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường Cao đẳng nghề Cơ điện – Luyện kim Thái Nguyên trong thời kỳ hội nhập và góp phần thực hiện thành công đề án "Đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020" của Bộ Lao Động - TB & XH với dự kiến đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 55%.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa một số vấn đề cơ bản bằng lý luận và thực tiễn về đào tạo nghề ở một số nước trên thế giới và Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng đào tạo nghề của Trường Cao đẳng nghề Cơ điện – Luyện kim Thái Nguyên trong giai đoạn vừa qua, tìm ra những ưu nhược điểm của hoạt động đào tạo nghề, phân tích nguyên nhân dẫn đến kết quả đó.

- Đề xuất một số giải pháp có tính khả thi phù hợp với điều kiện nhà trường để nâng cao chất lượng đào tạo nghề trong thời kỳ hội nhập.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là các vấn đề liên quan đến chất lượng đào tạo nghề của trường Cao đẳng nghề Cơ điện - Luyện kim Thái Nguyên và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề của nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài được thực hiện thông qua số liệu từ năm 2008 – 2010 tại trường Cao đẳng nghề Cơ điện - Luyện kim Thái Nguyên .

4. Ý nghĩa khoa học và những đóng góp mới của đề tài

4.1. Ý nghĩa khoa học

Luận văn đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của một luận văn thạc sỹ, đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề của trường Cao đẳng nghề Cơ điện - Luyện kim Thái Nguyên trong thời kỳ mới. Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo trong lĩnh vực đào tạo nghề.

4.2. Đóng góp mới của đề tài

Những nghiên cứu của luận văn sẽ giúp cho trường CDN Cơ điện - Luyện kim Thái Nguyên nói riêng và ngành dạy nghề nói chung nâng cao chất lượng đào tạo nghề, góp phần thực hiện thành công chiến lược đào tạo nghề giai đoạn 2011 – 2015.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về đào tạo nghề

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Thực trạng đào tạo nghề ở trường Cao đẳng nghề Cơ điện - Luyện kim Thái Nguyên

Chương 4: Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo của trường Cao đẳng nghề Cơ điện - Luyện kim Thái Nguyên trong thời kỳ hội nhập.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về dạy nghề

1.1.1.1. Khái niệm về dạy nghề

Từ điển tiếng Việt (năm 1998) đưa ra định nghĩa “Nghề là công việc chuyên làm, theo sự phân công của xã hội”. Khái niệm nghề của Nga được định nghĩa là một hoạt động đòi hỏi có đào tạo nhất định và thường là nguồn gốc của sự sống. Khái niệm nghề của Pháp được định nghĩa là một loại lao động có thói quen và kỹ năng, kỹ xảo của một người để từ đó tìm được phương tiện sống. Ở Đức, nghề được định nghĩa là hoạt động cần thiết cho xã hội ở một lĩnh vực lao động nhất định, đòi hỏi phải được đào tạo ở một trình độ nào đó. Từ các khái niệm trên, chúng ta có thể hiểu nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội.

Nghề bao gồm nhiều chuyên môn. Chuyên môn là một lĩnh vực lao động sản xuất hẹp mà ở đó, con người bằng năng lực thể chất và tinh thần của mình làm ra những giá trị vật chất (thực phẩm, lương thực, công cụ lao động...) hoặc giá trị tinh thần (sách báo, phim ảnh, âm nhạc, tranh vẽ...) với tư cách là những phương tiện sinh tồn và phát triển của xã hội.

Trên thế giới hiện nay có trên 2000 nghề với hàng chục nghìn chuyên môn. Ở Việt Nam trong những năm gần đây, do sự chuyển biến của nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, nên đã gây ra những biến đổi sâu sắc trong cơ cấu nghề nghiệp của xã hội. Trong cơ chế thị trường, nhất là trong nền kinh tế tri thức tương lai, sức lao động cũng là một thứ hàng hóa. Giá trị của thứ hàng hóa sức lao động này tùy thuộc vào trình độ, tay nghề, khả năng về mọi mặt của người lao động. Xã hội đón nhận thứ hàng hóa này

như thế nào là do “hàm lượng chất xám” và “chất lượng sức lao động” quyết định. Khái niệm phân công công tác sẽ mất dần trong quá trình vận hành của cơ chế thị trường. Con người phải chủ động chuẩn bị tiềm lực, trau dồi bản lĩnh, nắm vững một nghề, biết nhiều nghề để rồi tự tìm việc làm, tự tạo việc làm...

Vì hệ thống nghề nghiệp trong xã hội có số lượng nghề và chuyên môn nhiều như vậy nên người ta gọi hệ thống đó là “Thế giới nghề nghiệp”. Nhiều nghề chỉ thấy có ở nước này nhưng lại không thấy ở nước khác. Hơn nữa, các nghề trong xã hội luôn ở trong trạng thái biến động do sự phát triển của khoa học và công nghệ. Nhiều nghề cũ mất đi hoặc thay đổi về nội dung cũng như về phương pháp sản xuất. Nhiều nghề mới xuất hiện rồi phát triển theo hướng đa dạng hóa. Theo thống kê gần đây, trên thế giới mỗi năm có tới 500 nghề bị đào thải và khoảng 600 nghề mới xuất hiện. Ở nước ta, mỗi năm ở cả 3 hệ trường (dạy nghề, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng - đại học) đào tạo trên dưới 300 nghề bao gồm hàng nghìn chuyên môn khác nhau.

Luật dạy nghề số 76/2006/QH2011 ngày 29/ 11/ 2006 đã nêu rõ: " Dạy nghề là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học" với "mục tiêu là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ nhằm tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước."

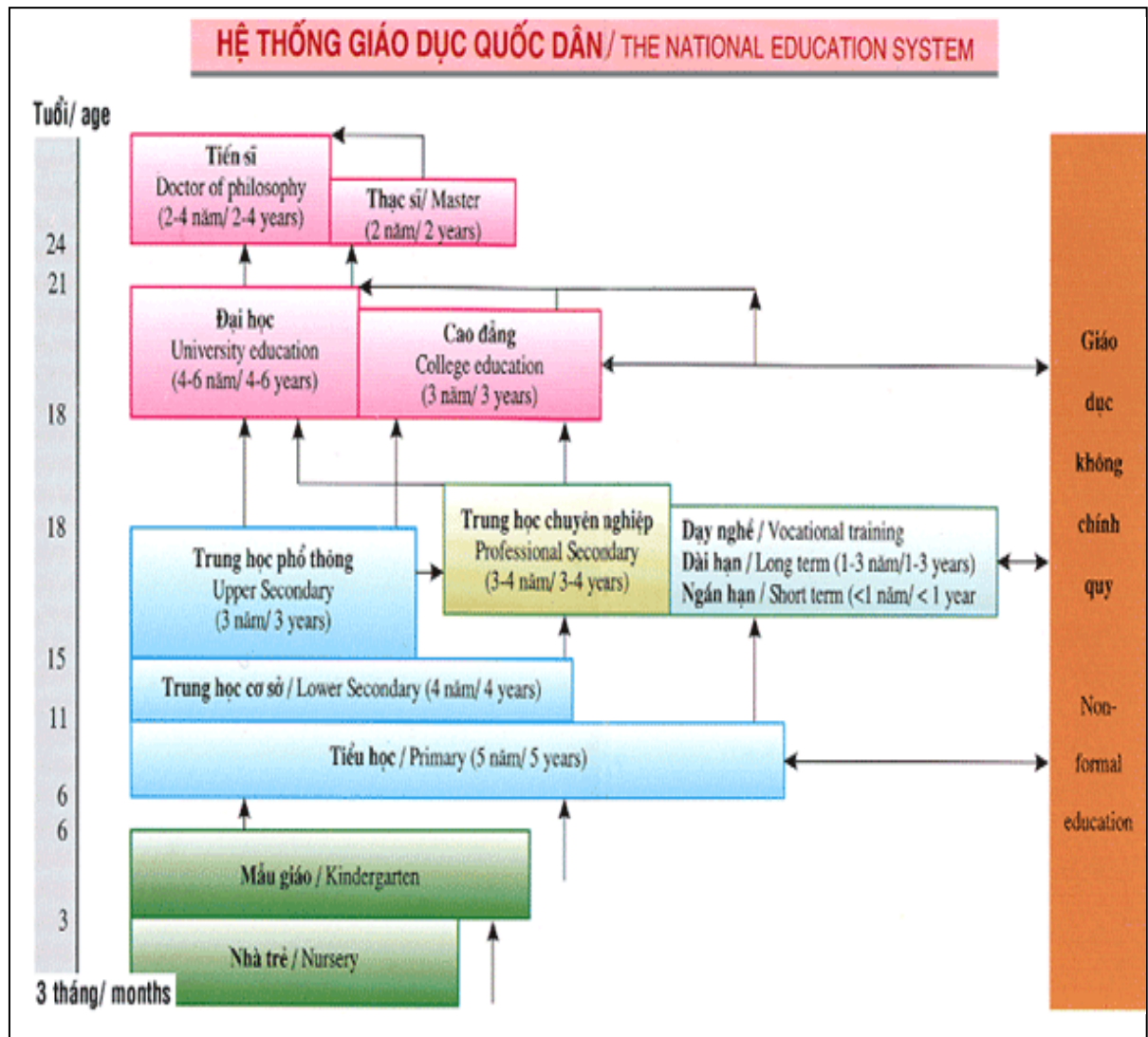
1.1.1.2. Vị trí của ngành dạy nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân

Theo Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/ 6/ 2005: Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên. Hệ thống giáo dục quốc dân gồm nhiều cấp học và trình độ đào tạo, trong đó giáo dục

ngành nghiệp là một cấp học quan trọng và được quy định cụ thể hơn bởi Luật dạy nghề số 76/2006/QH2011 ngày 29/ 11/ 2006.

Theo luật này, ngành dạy nghề đã trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm dạy nghề chính quy và dạy nghề thường xuyên.

Vị trí của ngành dạy nghề đã được mô tả trong “Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam 2010” .



Sơ đồ 1.1: Vị trí của ngành dạy nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân

(Nguồn: Tổng cục Dạy nghề)

Nhìn vào sơ đồ trên ta có thể thấy dạy nghề có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, nguồn của giáo dục dạy nghề bắt đầu từ cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và từ giáo dục thường xuyên, từ 3 nguồn này học sinh sẽ được học tại các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung học

chuyên nghiệp với các hệ đào tạo nghề dài hạn ngắn hạn. Người học nghề sau khi tốt nghiệp có thể học liên thông lên các bậc học cao hơn như cao đẳng, đại học hoặc có thể đi làm ngay.

1.1.1.3. Vai trò của ngành dạy nghề trong nền kinh tế quốc dân

Trong thời đại hiện nay, trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, hệ thống đào tạo nghề ở Việt Nam đang có nhiều đổi mới. Hệ thống giáo dục nghề nghiệp có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực mà trọng tâm là việc nâng cao chất lượng và hiệu quả nguồn nhân lực.

Trong đào tạo nghề, việc đào tạo phải gắn với nhu cầu lao động mà trước hết là gắn với người sử dụng lao động (các doanh nghiệp). Ở nhiều nước như Nhật, Hàn Quốc...việc đào tạo nghề được tiến hành trong công ty, xí nghiệp và đã chứng tỏ rất hiệu quả. Thực tế cho thấy, bao giờ cũng có độ trễ về đào tạo so với nhu cầu sử dụng nên trong đào tạo nghề, có thể khắc phục bằng cách chia nhỏ các giai đoạn đào tạo (đào tạo theo modul) hay thiết kế các modul thích ứng...Đối với người lao động, việc đào tạo nghề và đào tạo lại có thể tiến hành trong bất kỳ giai đoạn nào của cuộc đời.

Theo văn kiện Hội nghị thế giới về Giáo dục nghề nghiệp-UNESCO-1999 thì “Hầu hết các học viên sau khi hoàn thành các chương trình giáo dục nghề nghiệp đều hy vọng sẽ có cơ hội tiếp tục được đào tạo tại nơi làm việc hay trong các cơ sở đào tạo. Vì vậy, việc quản lý chương trình và nội dung đào tạo phải đảm bảo đầu vào linh hoạt và các cơ hội đầu ra trong suốt cuộc đời. Các học viên tốt nghiệp các chương trình giáo dục nghề nghiệp mong muốn thu nhận được những kỹ năng mới thông qua việc đào tạo lại, cần có các cơ hội học tập suốt đời. Một số đề xuất nhằm tạo điều kiện cho hướng đi này bao gồm: thiết kế các khóa học theo mô hình modul, giới thiệu phương pháp đánh giá dựa trên năng lực, sử dụng hình thức học tập tự điều chỉnh nhằm đáp ứng các nhu cầu của cá nhân và công nhận những kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng được tích lũy trước đó của người được đào tạo”. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, công

nghe tin học phát triển hàng ngày, hàng giờ. Kinh tế phát triển mạnh, xã hội thay đổi, nhiều ngành nghề mới xuất hiện và một số ngành nghề cũng mất đi. Nền kinh tế chuyển từ quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường có định hướng XHCN, năm 2006, Việt Nam đã chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Bối cảnh quốc tế và trong nước vừa tạo thời cơ lớn vừa đặt ra những thách thức không nhỏ cho giáo dục nghề nghiệp ở Việt nam . Quá trình tăng cường hợp tác khu vực ASEAN và các nước trên thế giới đã và đang đặt ra những yêu cầu mới không chỉ về kinh tế mà cả về giáo dục đặc biệt là về đào tạo nguồn nhân lực theo các chuẩn mực đào tạo khu vực và quốc tế.

Đồng thời, những tiến bộ khoa học- công nghệ và những đổi mới về tổ chức, quản lý sản xuất-dịch vụ trong tất cả các lĩnh vực kinh tế- xã hội cũng đặt ra những yêu cầu mới về cơ cấu và chất lượng đào tạo nhân lực nói chung và đào tạo nghề nghiệp nói riêng.

Các nghiên cứu gần đây về chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực ở các nước cho thấy Việt nam chỉ đạt 3,79 /10 (so với Trung quốc là 5,73/10 và Thái lan là 4,04/10). Nhân lực được đào tạo trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp dù đã có những chuyển đổi để thích nghi với nền kinh tế thị trường song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, chưa gắn với việc làm. So với các nước, sản phẩm đào tạo - nguồn nhân lực - ở Việt Nam chất lượng còn hạn chế, thiếu tính cạnh tranh do năng lực hoạt động, năng lực chia sẻ và năng lực hòa nhập kém dù người Việt Nam không thiếu sự thông minh và cần cù. Đặc biệt, so với các nước, người lao động ở nước ta ở mức rất thấp về sự thành thạo tiếng Anh và công nghệ cao. Vì vậy, xuất khẩu lao động tuy mang lại ngoại tệ cho đất nước và giúp nhiều nông dân đời đời song nhìn chung người lao động Việt Nam ở nước ngoài chủ yếu chỉ biết lao động đơn giản nên làm việc vất vả mà mức lương không cao.

Nói chung, kinh tế Việt Nam chưa bắt kịp kinh tế của các nước phát triển. Lao động nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn so với hai ngành: công nghiệp và

dịch vụ. Người lao động ít thay đổi nghề nghiệp (72% lực lượng lao động chưa bao giờ thay đổi việc làm – Khảo sát của Henaff, Martin năm 1999). Thương mại chiếm đa số trong việc chuyển đổi lao động và là điểm dừng chân chính cho những người rời bỏ nghề nghiệp ban đầu. Việc hầu hết người dân giữ nguyên công việc và nơi sinh sống do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Trong đó, nguyên nhân quan trọng là sự phiến diện trong hướng nghiệp và sự lạc hậu, bất cập trong đào tạo nghề.

Trong vài năm gần đây, kinh tế-xã hội Việt Nam có những bước phát triển mạnh, việc thay đổi cơ cấu ngành nghề và trình độ của nhân lực lao động trong xã hội đã làm nảy sinh nhu cầu của người lao động. Đó là được bồi dưỡng nâng cao trình độ nghề nghiệp và đào tạo lại để chuyển đổi vị trí làm việc cũng như nghề nghiệp. Thực trạng về lao động và việc làm, về chất lượng nguồn nhân lực ở nước ta đã đặt ra những yêu cầu mới về đào tạo nghề. Nhà nước ta đã đặt ra mục tiêu: ưu tiên nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, đặc biệt chú trọng nhân lực khoa học - công nghệ trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề, trực tiếp góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong đào tạo nghề, không chỉ dừng ở việc đào tạo cho người lao động có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp mà còn đào tạo và hình thành các năng lực mềm (thích nghi, biến đổi...) để con người có thể linh hoạt trong lựa chọn nghề và chuyển đổi nghề nghiệp. Các trường nghề cần được đầu tư chuyên sâu cho nghề trọng điểm để có thể đào tạo được một đội ngũ đông đảo những người lao động có trình độ lành nghề và tay nghề bậc cao.

Đáp ứng được những yêu cầu cấp thiết trên, việc đào tạo nghề ở nước ta sẽ có những bước chuyển biến mạnh mẽ, hòa nhập với thế giới. Sản phẩm đào tạo-nguồn nhân lực-sẽ phát triển và có chất lượng cao, phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và đáp ứng được những thách thức của quá trình toàn cầu hóa mạnh mẽ hiện nay.